

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: **2238/QĐ-UBND**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **29** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chuyển đến làm việc tại trung tâm hành chính mới khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4410/STC-NS ngày 21/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích từ nguồn “Trung ương hỗ trợ sắp xếp đơn vị hành chính”, số tiền: **16.544.700.000 đồng** (Mười sáu tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn) cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chuyển đến làm việc tại trung tâm hành chính mới khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

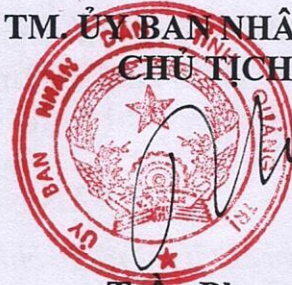
Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XII; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Phong



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025
của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Số tiền hỗ trợ
	Tổng cộng	16.544.700.000
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	272.000.000
2	Báo và Phát thanh, truyền hình	462.000.000
3	Đảng ủy UBND tỉnh	132.000.000
4	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh	136.000.000
5	Đoàn Luật sư	36.000.000
6	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM tỉnh	118.000.000
7	Hội Cựu chiến binh	78.000.000
8	Hội Chữ thập đỏ	204.000.000
9	Hội Doanh nghiệp	18.000.000
10	Hội Đông y	36.000.000
11	Hội Khoa học kỹ thuật	60.000.000
12	Hội Khuyến học	36.000.000
13	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	130.000.000
14	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam, bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em	54.000.000
15	Hội Người mù	54.000.000
16	Hội Nhà báo	18.000.000
17	Hội Nông dân	168.000.000
18	Hội Văn học nghệ thuật	24.000.000
19	Liên đoàn lao động tỉnh	156.000.000
20	Liên minh Hợp tác xã	106.000.000
21	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	36.000.000
22	Sở Khoa học và Công nghệ	693.000.000
23	Sở Ngoại vụ	207.000.000
24	Sở Nội vụ	608.000.000
25	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2.401.000.000
26	Sở Tài chính	868.000.000
27	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	962.000.000
28	Sở Tư pháp	151.000.000



TT	Đơn vị	Số tiền hỗ trợ
29	Sở Y tế	1.209.000.000
30	Sở Xây dựng	596.200.000
31	Sở Công Thương	550.000.000
32	Sở Giáo dục và Đào tạo	504.000.000
33	Thanh tra tỉnh	888.000.000
34	Tỉnh ủy	1.441.000.000
35	Trường Chính trị Lê Duẩn	18.000.000
36	Trung tâm Phát triển quỹ đất	42.000.000
37	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh	251.000.000
38	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	384.000.000
39	Văn phòng UBND tỉnh	970.500.000
40	Phường Ba Đồng	18.000.000
41	Xã Nam Ba Đồng	18.000.000
42	Xã A Dơi	102.000.000
43	Xã Dân Hóa	146.000.000
44	Xã Đakrông	18.000.000
45	Xã Hòa Trạch	18.000.000
46	Xã Hướng Lập	148.000.000
47	Xã Hường Phùng	18.000.000
48	Xã Kim Điền	9.000.000
49	Xã Khe Sanh	36.000.000
50	Xã Kim Phú	18.000.000
51	Xã Kim Ngân	6.000.000
52	Xã Lao Bảo	36.000.000
53	Xã Lìa	6.000.000
54	Xã La Lay	168.000.000
55	Xã Quảng Trạch	18.000.000
56	Xã Phú Trạch	18.000.000
57	Xã Sen Ngư	18.000.000
58	Xã Tân Lập	18.000.000
59	Xã Tà Rụt	60.000.000
60	Xã Tuyên Lâm	72.000.000
61	Xã Thượng Trạch	192.000.000
62	Xã Triệu Phong	6.000.000
63	Xã Trường sơn	252.000.000



TT	Đơn vị	Số tiền hỗ trợ
64	Xã Tuyên Bình	18.000.000
65	Xã Tuyên Hóa	24.000.000
66	Xã Hướng Hiệp	6.000.000
67	Đặc khu Côn Cỏ	6.000.000